TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 93/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 09- 2024
Về việc: " Yêu cầu không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***THnh phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. OÂng Phạm Quốc Vượng

2. Bà Phạm Thị Thanh Hương

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Trọng Lợi – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc *" Yêu cầu không công nhận vợ chồng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đ N H – Sinh năm 1973
Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố 7, TT T K, huyện H Q, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Ông N M c– Sinh năm 1968
Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố 7, TT T K, huyện H Q, tỉnh Bình Phước.
(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đ N H trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ N H và ông N M c sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện sống chung với nhau năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đúng phong tục tập quán của người Việt Nam và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, qúa trình chung sống hạnh phúc được một thời gian khoảng 10 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên gây lộn, không hiểu nhau, không thống nhất được quan điểm sống. Ông C ngoại tình, chửi bới, xúc phạm bà H, không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Bà H và ông C cũng đã tự hòa giải nhiều lần và tiếp tục sinh sống với nhau

kéo dài nhưng cuối cùng không đi đến kết quả, cuộc sống căng thẳng. Nay bà H yêu cầu tòa án tuyên bố bà H và ông C không phải là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông C có 02 con chung tên N Đ N T, sinh năm 1993, N Đ N T, sinh năm 1998; không nhận ai làm con nuôi. Hiện tại bà H không mang thai. Do 02 con chung đã trưởng thành nên bà H không có yêu cầu gì.

Về tài sản: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H vả ông C không nợ ai, không ai nợ lại.

Tại bản tự khai đề ngày 11/6/2024 bị đơn ông N M c trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà Đ N H tự nguyện, tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay bà H yêu cầu tòa án không công nhận bà H và ông C là vợ chồng thì bà H đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông C có 02 con chung tên N Đ N T, sinh năm 1993, N Đ N T, sinh năm 1998; không nhận ai làm con nuôi. Do 02 con chung đã trưởng tHnh nên ông C không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C và bà H không nợ ai, không ai nợ lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã xác định được bà Đ N H và ông N M c chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, không công nhận bà H và ông C là vợ chồng. Về con chung: 02 con chung đã trưởng tHnh nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông N M c có nơi cư trú tại TT Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông C là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ N H và ông N M c: Bà Đ N H và ông N M c chung sống với nhau từ năm 1993, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của hai ông bà không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì HĐXX không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Đ N H và ông N M c là vợ chồng.

. - Về con chung: Quá trình chung sống bà H, ông C có 02 con chung tên N Đ N T, sinh năm 1993, N Đ N T, sinh năm 1998; không nhận ai làm con nuôi. Do 02 con chung đã trưởng tHnh nên các đương sự không có yêu cầu gì Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung các đương sự khai không có nên cũng không xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: bà Đ N H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình.

[4] Tại phiên Tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, các đương sự, Hội đồng xét xử và nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đ N H và ông N M c.

2. Về con chung: Do 02 con chung tên N Đ N T, sinh năm 1993, N Đ N T, sinh năm 1998 đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu gì Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên không xem xét. Nợ chung các đương sự khai không có nên cũng không xem xét giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Bà Đ N H chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005279 ngày 10/5/2024 tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Hớn Quản;
- THADS huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Đình Thuyên

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thuyên

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Ngọc Linh Đặng Thị Kim Tuyến Đỗ Đình Thuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Lợi;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Đình Thuyên

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Hương Phạm Quốc Vượng Đỗ Đình Thuyên

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Kết qủa biểu quyết 3/3= 100%

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Thị Thanh Hương	Phạm Quốc Vượng	Đỗ Đình Thuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Đình Thuyên

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Đình Thuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hồng

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng Quang Minh **Phan Thị Vui** **Nguyễn Mạnh Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Cơ quan ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hồng